

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Bảo T, sinh năm 1998; thường trú: Số nhà 115, tổ 5, ấp B, xã H, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Số 562/25, Nguyễn K, Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1994; thường trú: Khóm 2, thị trấn C, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang; tạm trú: Phòng trọ số 1, nhà trọ Nguyễn Văn B, Tổ 6, khu phố K, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Bảo T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mai Bảo T và ông Lê Văn Đ tự nguyện tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 08/11/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, từ đầu năm 2017 đến nay thì vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất được với nhau về vấn đề tài chính trong gia đình, ngoài ra vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn là ông Đ đánh bà Tnhưng vì tình nghĩa vợ chồng nên bà T không báo chính quyền địa phương. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay và hiện không còn quan tâm lẫn nhau. Bà T nhận thấy hạnh phúc giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

+ *Về con chung*: Bà T và ông Đ có 01 con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 12/8/2016. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Từ khi sinh cháu Vỹ đến khoảng tháng 3/2019 thì chỉ một mình bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu V. Sau đó ông Đ có đến thăm con ở Tây Ninh thì ông Đ đã tự ý đưa con đi mà không được sự đồng ý của bà T và mẹ của bà. Ông Đ cho rằng bà T không có nghề nghiệp và không có nơi ở ổn định là không đúng vì hiện nay bà T có công việc ổn định, với mức thu nhập là 17.000.000 đồng/tháng (bà T đã nộp xác nhận cho Tòa án). Bà T làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên bà T đem con, mẹ ruột của bà xuống để giữ con cho bà đi làm. Bà T ở chung với nhà di ruột nên đã có nơi ở ổn định. Hiện nay cháu V chưa đủ 36 tháng nên bà Tiên được quyền nuôi con. Vì vậy bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 11/6/2019, biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2019 và tại phiên tòa ông Lê Văn Đ trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian tìm hiểu, địa điểm đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2017 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất được cách chi tiêu tiền bạc trong gia đình, ngoài việc phải lo cho vợ con thì ông Đ còn phải lo cho cha mẹ (tiền đi làm về ông Đ đưa cho bà T một ít đủ chi tiêu còn lại đưa cho mẹ đẻ của ông giữ giùm) nhưng bà T không thông cảm nên vợ chồng thường cãi nhau về vấn đề tiền bạc. Khi cãi nhau thì ông Đ nóng tính nên có đánh bà T. Ngoài ra do bất đồng về tính cách, quan điểm sống và ai cũng cho là mình đúng nên không nhường nhịn nhau. Do đó gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay và không còn quan tâm lẫn nhau. Ông Đ nhận thấy không còn tình cảm với bà T nên bà T xin ly hôn thì ông Đ đồng ý.

+ *Về con chung*: Ông Đ và bà T có 01 con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 12/8/2016. Hiện nay con chung đang do ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng nên ông Đ không đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác bà T không có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, bà T để con cho bà ngoại chăm là không đảm bảo

quyền lợi của con nên ông Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Bảo T, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Bảo T với ông Lê Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Gia V, sinh ngày 12/8/2016 cho bà Mai Bảo Tiên trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Bảo T và ông Lê Văn Đ là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 08/11/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được các đương sự thừa nhận tại phiên tòa là do vợ chồng không thống nhất được với nhau về vấn đề tài chính trong gia đình. Ngoài ra, vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay và không còn

quan tâm lẫn nhau. Ông Đ và bà T đều khẳng định không còn tình cảm với nhau và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn và ông Đ đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Các đương sự đều thống nhất trong thời kỳ chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 12/8/2016. Khi ly hôn cả bà T và ông Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lê Gia V hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Ông Đ cho rằng bà T không có việc làm và nơi ở ổn định nhưng theo chứng cứ do nguyên đơn nộp và kết quả xác minh của Tòa án thể hiện bà T có công việc và thu nhập ổn định. Giữa bà T và ông Đ không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con sau ly hôn nên cần giao con chung cho cho người mẹ được tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 12/8/2016 cho bà Mai Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 55, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Bảo T về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Lê Văn Đ.

2. Bà Mai Bảo T và ông Lê Văn Đ thuận tình ly hôn.

3. Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Gia V, sinh ngày 12/8/2016 cho bà Mai Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Mai Bảo T và ông Lê Văn Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Bảo T phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014927 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà T không phải nộp tiền thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- THADS (01);
- UBND thị trấn C, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền